



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 06281/2025/PKQ/25.3777

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN PHÁT
Địa chỉ : Tầng 6, LK5.1, khu nhà ở liền kề Hải Ngân, thôn Nội, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH VIỆT MỸ NAM ĐỊNH - Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Vị trí lấy mẫu :
- KT.230525-013- Ống khói lò hơi số 1, tọa độ: X=2259193, Y=566465 (KT1)
- KT.230525-014- Ống khói lò hơi số 2, tọa độ: X=2259195, Y=566465 (KT2)
- KT.230525-015- Ống phóng không sau hệ thống xử lý mùi từ khu vực in, tọa độ: X=2259203, Y=566457 (KT3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 23/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 10/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	Cột B
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 02	1.140	1.020	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	22,2	21,6	200
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02.TESTO350	181,26	164,16	1.000
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02.TESTO350	10,48	20,96	500
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02.TESTO350	3,76	7,52	850

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT3	Cột B
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 02	7.860	-
2	Toluene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	0,06	750 ⁽¹⁾
3	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



Thị Duyên

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.